

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2026/HS-ST
Ngày: 21-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Kim T

2. Bà Phạm Minh T

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình T - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 195/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Út), sinh năm 1991, tại tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai); Hộ khẩu thường trú: Khu phố 6, thị trấn T, huyện H, tỉnh B (nay là ấp 6, xã T, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Tất Đ, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; Chồng tên Trần Công Trường G, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con (Lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2023); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Tại Bản án số 30/2023/HS-PT ngày 08/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân Thành phố H) xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 02 năm 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa chấp hành Bản án này.

- Tại Bản án số 205/2024/HS-PT ngày 26/3/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt 02 năm 08 tháng tù tại Bản án số 30/2023/HS-PT ngày

08/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân Thành phố H), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 17 năm 08 tháng tù. Bị cáo chưa chấp hành Bản án này.

- Tại Bản án số 170/2024/HS-ST ngày 13/12/2024, Tòa án nhân dân tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân Thành phố H) xét xử sơ thẩm, tuyên phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 17 năm 08 tháng tù tại Bản án số 205/2024/HS-PT ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 29 năm 08 tháng tù. Bị cáo chưa chấp hành Bản án này.

- Ngày 10/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh B (nay là tỉnh Đ) ra Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án Nguyễn Thị L thể hiện tại Quyết định số 01/2025/THAHS-QĐ. Ngày 29/8/2025, Phân trại tạm giam khu vực H - Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Đ đã bắt tạm giam Nguyễn Thị L để thi hành án và hiện nay đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam A - Cục C10 - Bộ Công an.

Bị cáo Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Hồng Ph, sinh năm 2000, tại tỉnh B (nay là Thành phố H); Hộ khẩu thường trú: Khu phố 12, phường M, thị xã C, tỉnh B (nay là Khu phố 12, phường M, tỉnh Đ); Chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, phường M, thị xã C, tỉnh B (nay là Khu phố 5, phường C, tỉnh Đ); Nghề nghiệp: Nông dân; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1978; Bị cáo chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1997 và có 01 con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 31/12/2025, Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Phạm Thị Cẩm C, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, Thành phố H. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Huỳnh Kim H (tên gọi khác Nhiên), sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú: Ấp 5B, xã L, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, phường M, tỉnh Đ. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồng P thường tới quán cà phê (không nhớ tên quán) ở khu vực chợ T, thị trấn H, tỉnh B (cũ) để uống cà phê. Tại đây, P gặp người đàn ông tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch), trong lúc nói chuyện với T thì P biết Thái làm giả

tất cả các loại giấy tờ. P và Nguyễn Thị L là bạn quen biết nhau ngoài xã hội. Vào ngày 10/02/2023, L điện thoại cho P hỏi có cách nào kiếm tiền không thì P nói với L: Giờ thuê xe ô tô rồi làm giả giấy tờ đem đi cầm cố lấy tiền thì L đồng ý. Sau đó, P gặp người đàn ông tên T đặt làm giả 01 giấy phép lái xe hạng B2 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe của xe ô tô biển số 93A-361.41 mang tên Nguyễn Thị L.

Ngày 11/02/2023, P đưa cho L 02 giấy tờ giả trên. Sau đó, L và P đến nhà ông Huỳnh Kim H tại khu phố 9, phường H, thị xã C, tỉnh B (nay là tỉnh Đ) để thuê xe ô tô biển số 93A-361.41 của ông *(do trước đó P đã nhiều lần thuê xe này nên có thông tin về xe và làm sẵn giấy xe giả)*. Khi đến nhà ông H, thì P đứng ở ngoài đường còn L vào gặp ông H để thuê xe ô tô. L đưa cho ông H sổ hộ khẩu (sổ thật), căn cước công dân (thật) và giấy phép lái xe (giả). Ông H kiểm tra giấy tờ L đưa rồi trả lại cho L căn cước công dân (thật) và giấy phép lái xe (giả), chỉ giữ lại sổ hộ khẩu (thật). Thời gian H cho L thuê xe dự kiến tới ngày 21/02/2023. L trả trước cho H số tiền thuê xe là 15.000.000 đồng.

Sau khi thuê được xe, P dẫn Loan đến tiệm cầm đồ Mỹ Châu do bà Phạm Thị Cẩm C làm chủ tại ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B (nay là xã M, Thành phố H) để cầm cố xe. Khi đến nhà bà C, L đưa cho C giấy phép lái xe (giả) và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 93A-361.41, mang tên Nguyễn Thị L (giả). Bà C không phát hiện giấy tờ trên là giả nên đồng ý cầm xe cho L với số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Loan trả cho Phong số tiền 3.000.000 đồng (tiền phí làm giấy tờ giả). Số tiền này Phong đã trả cho người đàn ông tên Thái. Loan đưa cho Phong số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại Loan cất giữ tiêu xài cá nhân.

Ngày 21/02/2023, ông H điện thoại cho L để lấy lại xe thì L nói với H đã cầm cố xe, hứa sẽ lấy xe ra trả lại cho H. Lúc này, Loan đến gặp bà C nói với C xe ô tô biển số 93A-361.41 mà L cầm không phải của L, mà L đi thuê của người khác, giấy tờ L đưa cho C là giấy tờ giả. Do chủ xe đòi xe, không cho thuê xe nữa nên L xin C lấy xe về trả cho chủ xe. C đồng ý trả xe cho L nhưng do L không có tiền trả cho C nên L viết giấy vay tiền với C, hàng tháng L trả góp cho C số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 16/3/2023, L và P điều khiển xe ô tô biển số 93A-361.41 đến trả cho ông H.

Từ tháng 5/2023 đến tháng 6/2023 L trả cho bà C được số tiền 40.000.000 đồng, sau đó không có tiền trả cho C nên ngày 12/9/2024, bà C làm đơn tố giác hành vi của L đến Công an xã M. Hiện tại Nguyễn Hồng P đã trả cho bà C số tiền 250.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 5355 ngày 10/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B kết luận:

Phôi và hình dấu tròn có nội dung “*CÔNG AN HUYỆN CHƠN THÀNH* CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC” trên giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 93000836 tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

“Giấy phép lái xe” (giống loại PET) số 790224405824 tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) là giấy giả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Hồng P như Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 14/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50, 55, 56, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 11 năm 06 tháng đến 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 50, 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 10 năm 06 tháng đến 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hiện tại bị cáo Nguyễn Hồng P đã bồi thường số tiền 250.000.000 đồng cho bị hại bà Phạm Thị Cẩm C và bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Đối với “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 93000836 và 01 “Giấy phép lái xe” (giống loại PET) số 790224405824 là giấy giả nên cần lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Điều tra viên, Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự

quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Vào ngày 10/02/2023, do không có tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Thị L điện thoại cho bị cáo Nguyễn Hồng P để hỏi cách kiếm tiền. Sau đó cả hai thống nhất, Nguyễn Thị L cung cấp thông tin cá nhân của mình cho Nguyễn Hồng P để làm giấy tờ giả và Nguyễn Hồng P nhờ người đàn ông tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm giả “Giấy phép lái xe” (giống loại PET) số 790224405824 và “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 93000836, biển số 93A-361.41 mang tên Nguyễn Thị L. Ngày 11/02/2023, P cùng với L đến thuê xe ô tô biển số 93A-361.41 của ông Huỳnh Kim H, sau đó cả hai đến tiệm cầm đồ Mỹ Châu do bà Phạm Thị Cẩm C làm chủ tại ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B (nay là xã M, thành phố H) để cầm cố xe ô tô với số tiền 250.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hồng P tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Thị L, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 14/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Hồng P là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo Nguyễn Thị L đã cung cấp thông tin cá nhân của mình cho bị cáo Nguyễn Hồng P để bị cáo Phong nhờ người làm giả giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 93000836, biển số 93A-261.41 và 01 “Giấy phép lái xe” số 790224405824 mang tên Nguyễn Thị L. Sau đó, hai bị cáo đến gặp ông Huỳnh Kim H để thuê xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu HYUNHDAI, số loại ACCENT HC13, biển số đăng ký 93A-261.41, trong thời hạn 10 ngày (giá thuê 900.000 đồng/01 ngày), Nguyễn Thị L đặt cọc trước số tiền 15.000.000 đồng và hai bên có lập hợp đồng thuê xe. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Sau khi thuê được xe ô tô biển số 93A-361.41 của ông Huỳnh Kim H, hai bị cáo tìm đến bị hại bà Phạm Thị Cẩm C nói rằng đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thị L cùng với giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả làm cho bị hại tin tưởng nên đồng ý cầm cố tài sản nhằm chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại với lỗi cố ý. Như vậy, hành vi của hai bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử xử phạt hai

bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm điều kiện để giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến tính chất hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị L có vai trò là người khởi sự và chủ động thực hiện hành vi phạm tội (đứng ra giao dịch thuê xe ô tô, cầm cố xe với số tiền chiếm đoạt 250.000.000 đồng) nhờ vào sự giúp sức của bị cáo Nguyễn Hồng P, còn bị cáo Nguyễn Hồng P thực hiện với vai trò đồng phạm tích cực tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo Nguyễn Thị L đạt được mục đích phạm tội, sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản số tiền 250.000.000 đồng thì được bị cáo L cho mượn số tiền 30.000.000 đồng để trả nợ cho người khác. Vì vậy, mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị L là cao hơn so với bị cáo Nguyễn Hồng P trong cùng một điều luật áp dụng. Bên cạnh đó có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Nguyễn Thị L đang mang thai theo quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Nguyễn Hồng Phong đã tự nguyện bồi thường cho bị hại bà Phạm Thị Cẩm C số tiền 250.000.000 đồng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và nhân thân chưa có tiền án tiền sự gì được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên để đảm bảo công tác thi hành án nên Hội đồng xét xử quyết định bắt tạm giam ngay tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Hồng P là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị L, ngày 29/8/2025 Phân trại tạm giam khu vực Hón Quản - Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Đồng đã bắt tạm giam bị án Nguyễn Thị L để thi hành án và hiện nay đang chấp hành án hình phạt tù 29 năm 08 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) tại Trại giam An Phước - Cục C10 - Bộ Công an. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt của 02 Bản án này theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phạm Thị Cẩm C đã nhận lại số tiền 250.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 93000836 và 01 “Giấy phép lái xe” (giống loại PET) số 790224405824 là giấy giả và chứng cứ này cần lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[8] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Hồng P về phần tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên riêng mức hình phạt Kiểm sát viên

đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Hồng P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt so với ý kiến của Kiểm sát viên.

[9] Bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Hồng P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Hồng P phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50, 55, 56, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 29 (hai mươi chín) năm 08 (tám) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành chung của 02 Bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 26/01/2022 đến ngày 05/4/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50, 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2026.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với 01 “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 93000836 và 01 “Giấy phép lái xe” (giống loại PET) số 790224405824 là giấy giả và chứng cứ này được lưu hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Nguyễn Hồng P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/01/2026).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Thị hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân N